

Số: /TB - CĐYT

Khánh Hòa, ngày tháng 8 năm 2024

THÔNG BÁO

Về việc thu học phí các lớp Cao đẳng chính quy, trung cấp chính quy, Liên thông cao đẳng, hệ dịch vụ: Trung cấp văn bằng 2, các ngành nghề đào tạo liên tục, học lại và học cải thiện, lệ phí xét tuyển và thu bán vé trông giữ xe
Năm học 2024 – 2025

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 317/QĐ-CĐYT ngày 07 tháng 8 năm 2024 của Phó Hiệu trưởng phụ trách Trường Cao Đẳng Y Tế Khánh Hòa về việc quy định mức thu học phí đối với các lớp Cao đẳng chính quy, trung cấp chính quy, Liên thông cao đẳng, hệ dịch vụ: Trung cấp văn bằng 2, các ngành nghề đào tạo liên tục, học lại và học cải thiện, lệ phí xét tuyển và thu bán vé trông giữ xe năm học 2024-2025;

Căn cứ Quyết định số 305/QĐ-CĐYT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Cao Đẳng Y Tế Khánh Hòa về việc quy định kiểm soát thu học phí của Trường Cao Đẳng Y Tế Khánh Hòa;

1. Nhà trường thông báo thời gian nộp học phí năm học 2024 -2025:

1.1. Học kỳ 1: bắt đầu từ đầu năm học (ngày 05/9/2024) và kết thúc trước ngày 30/10/2024.

1.2. Học kỳ 2: bắt đầu từ ngày 01/02/2025 và kết thúc trước ngày 30/3/2025.

2. Mức thu học phí năm học 2024-2025 như sau:

ĐVT: Đồng

STT	Nội dung	Mức thu học kỳ 1	Mức thu học kỳ 2	VB2 đợt 1	VB2 đợt 2	Mức thu/Khó a
A	Hệ Cao đẳng, Trung cấp chính quy (Trong ngân sách)					
1	Cao đẳng chính quy KHÓA HỌC 2024-2027 (NĂM 1)					
1.1	Các ngành miễn giảm theo TT. 05/2023/TT-BLĐTBXH					

	Ngành Điều dưỡng	1.710.000	2.220.000			
	Ngành Dược	1.710.000	2.220.000			
	Ngành KT Xét nghiệm Y học	1.710.000	2.220.000			
	Ngành Hộ sinh	1.710.000	2.220.000			
1.2	Các ngành không được miễn giảm					
	Ngành KT Phục hồi chức năng	5.700.000	7.400.000			
	Ngành KT Phục hình răng	5.700.000	7.400.000			
	Ngành KT Hình ảnh Y học	5.700.000	7.400.000			
2	Cao đẳng chính quy (Năm 2)					
2.1	Các ngành miễn giảm theo TT. 05/2023/TT-BLĐTBXH					
	Ngành Điều dưỡng	1.965.000	1.965.000			
	Ngành Dược	1.965.000	1.965.000			
	Ngành KT Xét nghiệm Y học	1.965.000	1.965.000			
	Ngành Hộ sinh	1.965.000	1.965.000			
2.2	Các ngành không được miễn giảm					
	Ngành KT Phục hồi chức năng	6.550.000	6.550.000			
	Ngành KT Phục hình răng	6.550.000	6.550.000			
	Ngành KT Hình ảnh Y học	6.550.000	6.550.000			
3	Cao đẳng chính quy (Năm 3)					
	Ngành Điều dưỡng	6.550.000	6.550.000			
	Ngành Dược	6.550.000	6.550.000			
	Ngành KT Xét nghiệm Y học	6.550.000	6.550.000			
	Ngành Hộ sinh	6.550.000	6.550.000			
	Ngành KT Phục hồi chức năng	6.550.000	6.550.000			
	Ngành KT Phục hình răng	6.550.000	6.550.000			
	Ngành KT Hình ảnh Y học	6.550.000	6.550.000			
4	Trung cấp chính quy KHÓA HỌC 2024-2026 (NĂM 1)					
4.1	Các ngành miễn giảm theo TT. 05/2023/TT-BLĐTBXH					
	Ngành Y sỹ	1.500.000	1.950.000			
4.2	Các ngành không được miễn giảm					
	Ngành YHCT	5.000.000	6.500.000			
5	Trung cấp chính quy (Năm 2)					
5.1	Các ngành miễn giảm theo TT. 05/2023/TT-BLĐTBXH					
	Ngành Y sỹ	1.725.000	1.725.000			
5.2	Các ngành không được miễn giảm					
	Ngành YHCT	5.750.000	5.750.000			
B	Hệ Cao đẳng, Trung cấp chính quy (Ngoài ngân sách)					
1	Cao đẳng chính quy KHÓA HỌC 2024-2027 (NĂM 1)					
1.1	Các ngành miễn giảm theo TT. 05/2023/TT-BLĐTBXH					
	Ngành Điều dưỡng	1.710.000	2.220.000			
	Ngành Dược	1.710.000	2.220.000			
	Ngành KT Xét nghiệm Y học	1.710.000	2.220.000			
	Ngành Hộ sinh	1.710.000	2.220.000			
1.2	Các ngành không được miễn giảm					

	Ngành KT Phục hồi chức năng	5.700.000	7.400.000			
	Ngành KT Phục hình răng	5.700.000	7.400.000			
	Ngành KT Hình ảnh Y học	5.700.000	7.400.000			
2	Cao đẳng chính quy (Năm 2)					
2.1	Các ngành miễn giảm theo TT. 05/2023/TT-BLĐTBXH					
	Ngành Điều dưỡng	1.965.000	1.965.000			
	Ngành Dược	1.965.000	1.965.000			
	Ngành KT Xét nghiệm Y học	1.965.000	1.965.000			
	Ngành Hộ sinh	1.965.000	1.965.000			
2.2	Các ngành không được miễn giảm					
	Ngành KT Phục hồi chức năng	6.550.000	6.550.000			
	Ngành KT Phục hình răng	6.550.000	6.550.000			
	Ngành KT Hình ảnh Y học	6.550.000	6.550.000			
3	Cao đẳng chính quy (Năm 3)					
	Ngành Điều dưỡng	6.550.000	6.550.000			
	Ngành Dược	6.550.000	6.550.000			
	Ngành KT Xét nghiệm Y học	6.550.000	6.550.000			
	Ngành Hộ sinh	6.550.000	6.550.000			
	Ngành KT Phục hồi chức năng	6.550.000	6.550.000			
	Ngành KT Phục hình răng	6.550.000	6.550.000			
	Ngành KT Hình ảnh Y học	6.550.000	6.550.000			
4	Trung cấp chính quy KHÓA HỌC 2024-2026 (NĂM 1)					
4.1	Các ngành miễn giảm theo TT. 05/2023/TT-BLĐTBXH					
	Ngành Y sỹ	1.500.000	1.950.000			
4.2	Các ngành không được miễn giảm					
	Ngành YHCT	5.000.000	6.500.000			
5	Trung cấp chính quy (Năm 2)					
5.1	Các ngành miễn giảm theo TT. 05/2023/TT-BLĐTBXH					
	Ngành Y sỹ	1.725.000	1.725.000			
5.2	Các ngành không được miễn giảm					
	Ngành YHCT	5.750.000	5.750.000			
B	Hệ Liên thông cao đẳng (Vừa làm vừa học)					
1	Ngành Dược	7.500.000	7.500.000			
2	Ngành Điều dưỡng	7.000.000	7.000.000			
3	Ngành Hộ sinh	6.000.000	6.000.000			
4	Ngành KT Xét nghiệm	7.000.000	7.000.000			
5	Ngành KT Hình Ảnh	7.000.000	7.000.000			
C	Hệ đào tạo dịch vụ					
1	Văn bằng 2					
1.1	Văn bằng 2 (Khóa học 12 tháng = 14.400.000đ)			7.200.000	7.200.000	
1.2	Văn bằng 2 (Khóa học 15 tháng = 18.000.000đ)			9.000.000	9.000.000	
2	Nhân viên xoa bóp (3 tháng/Khóa)					5.000.000
3	Quản lý Điều dưỡng (56 tiết/khóa)					
3.1	Số lượng học >= 50 người					1.500.000
3.2	Số lượng học = 30 người					2.500.000

4	Cập nhật kiến thức chuyên môn Dược (8 tiết/Khóa) Số lượng học >= 50 người					400.000
5	Sơ cấp cứu ban đầu (20 tiết/Khóa) Số lượng học >= 30 người					1.500.000
6	Kiểm soát lây nhiễm trong hành nghề Nha khoa (8 tiết/Khóa) Số lượng học >= 50 người					600.000
7	Phương pháp Kinesio Taping (băng dán Kinesio) trong chăm sóc quản lý đau cấp và mãn tính tại nhà (8 tiết/Khóa) Số lượng học >= 30 người					1.000.000
8	Thực hành Y học dựa trên bằng chứng (45 tiết/Khóa) Số lượng học >= 30 người					2.200.000
9	Xoa bóp/Massage cho trẻ em từ 0 đến 6 tháng tuổi (20 tiết/Khóa) Số lượng học >= 30 người					2.200.000
10	Phương pháp phân tích và xử lý số liệu thống kê cơ bản và nâng cao (60 tiết/Khóa) Số lượng học >= 30 người					2.800.000
11	Nghiên cứu khoa học cơ bản trong lĩnh vực sức khỏe (60 tiết/Khóa) Số lượng học >= 30 người					2.800.000
12	Y học cổ truyền (700 tiết/Khóa/6 tháng) (1.200.000đồng/tháng x 6 tháng) Số lượng học >= 35 người					7.200.000
D. Mức thu học phí học lại và học cải thiện						
CẤP BẠC ĐÀO TẠO		MỨC THU (Đồng/học sinh/01Tín chỉ)				
		Cao đẳng		Trung cấp		
		Tổng số tín chỉ/Năm	Số tiền/tín chỉ	Tổng số tín chỉ/Năm	Số tiền/tín chỉ	
I	Cao đẳng chính quy (Trong và ngoài NS)					
1	Ngành Dược	36	360.000			
2	Ngành Điều Dưỡng	34	380.000			
3	Ngành Hộ sinh	35	370.000			
4	Ngành KT. Xét nghiệm YH	37	350.000			
5	Ngành KT. Hình ảnh y học	35	370.000			
6	Ngành Phục hình răng	36	360.000			
7	Ngành PHCN	35	370.000			
II	Trung cấp chính quy (Trong và ngoài)					
1	Ngành Y sỹ			46	250.000	
2	Ngành YHCT			46	250.000	
III	Liên thông Cao đẳng (Hệ vừa làm vừa học)					
1	Ngành Dược	24	625.000			
2	Ngành Điều Dưỡng	22	630.000			
3	Ngành Hộ sinh	21	570.000			
4	Ngành KT. Xét nghiệm	23	600.000			
5	Ngành KT. Hình ảnh	23	600.000			
IV	Trung cấp Văn bằng 2					
1	Trong ngành Sức khỏe, Đào tạo 12 tháng					
1.1	Ngành Dược			36	400.000	

1.2	Ngành Y sĩ			40	360.000
1.3	Ngành YHCT			45	320.000
2	Ngoài ngành sức khỏe, Đào tạo 15 tháng				
2.1	Ngành Dược			45	400.000
2.2	Ngành Y sĩ			50	360.000
2.3	Ngành YHCT			53	340.000

3. Thời gian thu học phí:

3.1. Đối với các lớp hình thức đào tạo chính quy:

3.1.1. Đối với HSSV năm thứ 2 và 3: Học sinh, sinh viên đóng học phí vào đầu mỗi học kỳ của năm học cụ thể như sau:

+ Học kỳ 1: bắt đầu từ đầu năm học, từ ngày 05/9/2024 và kết thúc trước ngày 30/10/2024.

+ Học kỳ 2: bắt đầu từ ngày 01/02/2025 và kết thúc trước ngày 30/3/2025.

3.1.2. Đối với các khóa nhập học mới, thời gian nộp học phí:

+ Học kỳ 1: Ngay khi có thông báo nhập học của Nhà trường và kết thúc trước ngày cuối cùng của thời gian nhập học của khóa học theo thông báo nhập học.

+ Học kỳ 2: bắt đầu từ ngày 01/02/2025 và kết thúc trước ngày 30/3/2025.

3.2. Đối với các lớp Liên thông Cao đẳng (vừa làm vừa học) và các lớp Văn bằng 2 (hệ dịch vụ):

Do tiến độ nhập học có đặc thù nên thời gian thu nộp học phí sẽ được thông báo qui định cụ thể.

+ Học kỳ 1: Ngay khi có thông báo nhập học của Nhà trường và kết thúc trước ngày cuối cùng của thời gian nhập học của khóa học theo thông báo nhập học.

+ Học kỳ 2 : bắt đầu từ ngày đầu của học kỳ tiếp theo và kết thúc trước ngày 30/3/2025.

3.3. Đối với các lớp Văn bằng 2 (hệ dịch vụ):

3.3.1. Đối với các khóa nhập học mới, thời gian nộp học phí: Học sinh, sinh viên đóng học phí cụ thể như sau:

+ Học kỳ 1: khi có thông báo nhập học của Nhà trường và kết thúc trước ngày cuối cùng của thời gian nhập học của khóa học theo thông báo nhập học.

+ Học kỳ 2: Do tiến độ nhập học có đặc thù nên thời gian thu nộp học phí bắt đầu từ ngày đầu của học kỳ tiếp theo và kết thúc trước ngày 30/3/2025.

3.3.2. Đối với HSSV năm thứ 2 :

+ Học sinh, sinh viên đóng học phí vào đầu mỗi học kỳ tiếp theo của năm học và kết thúc trước ngày 30/10/2024.

+ Học kỳ 2: bắt đầu từ ngày 01/02/2025 và kết thúc trước ngày 30/3/2025.

3.4. Đối với các ngành nghề đào tạo liên tục hệ dịch vụ: thời gian nộp học phí ngay sau khi có thông báo nhập học của Nhà trường.

4. Phương thức thu học phí:

*** Nộp học phí bằng hình thức online quét mã QR**

- Phòng Quản lý Đào tạo & NCKH sẽ cấp cho mỗi HSSV một tài khoản và mật khẩu, HSSV sử dụng tài khoản và mật khẩu đã được cấp cập nhật địa chỉ email của cá nhân vào công thông tin HSSV theo đường dẫn tại Website:

<http://daotao.cyk.edu.vn/>

Đính kèm: Hướng dẫn sinh viên Nộp học phí bằng hình thức online quét mã QR

*** Lưu ý:**

- Học sinh, sinh viên chụp lại màn hình giao dịch chuyển tiền hoặc giữ biên lai của ngân hàng để đối chiếu với nhà trường trong trường hợp có yêu cầu. Hóa đơn điện tử sẽ được gửi về địa chỉ email HSSV đã cập nhật ở trên ngay sau khi giao dịch chuyển tiền thành công.

- Mọi thắc mắc liên hệ Phòng Kế hoạch – Tài chính, Trường Cao Đẳng Y tế Khánh Hòa số điện thoại 0258.3522270 để được hỗ trợ.

- Học sinh, sinh viên không sử dụng hình thức chuyển tiền qua thẻ ATM vì không thể được nội dung thông tin sinh viên, mọi khiếu nại về chuyển tiền qua thẻ ATM sẽ không được giải quyết.

*** Nộp học phí bằng tiền mặt**

- Học sinh, sinh viên nộp học phí **bằng tiền mặt trực tiếp tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh Khánh Hòa (Agribank)**, cung cấp tài khoản và mật khẩu đã được cấp cho cán bộ giao dịch tại quầy .

- Trường hợp quên mật khẩu, HSSV liên hệ Phòng QLĐT & NCKH để được cấp lại, số điện thoại 02583.521576.

5. Tổ chức thực hiện:

Đề nghị học sinh sinh viên nghiêm túc thực hiện theo thông báo về mức thu học phí các lớp Cao đẳng chính quy và Trung cấp chính quy, các lớp Liên thông cao đẳng (Hình thức vừa làm vừa học), hệ dịch vụ: Trung cấp văn bằng 2, ngành nghề đào tạo liên tục, học lại và học cải thiện Năm học 2024 – 2025 của Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa. Học sinh sinh viên chưa nộp học phí thì không được tham gia các kỳ thi. Mọi vấn đề liên quan đến quyền lợi của học sinh, sinh

viên không được giải quyết sau thời gian trên. Trưởng/Phó các Phòng, Khoa, Cố vấn học tập, các Giảng viên phổ biến thông báo này đến toàn thể học sinh, sinh viên biết để thực hiện./.

Nơi nhận (VBĐT):

- Phòng Quản lý Đào tạo & NCKH;
- Phòng TT-KT&KĐCLGD;
- Phòng TC-HC (Đăng trên website trường);
- Cố vấn học tập;
- Ban cán sự các lớp, HSSV (Hình thức Niêm yết công khai và Đăng website trường);
- Lưu VT, KH-TC.

**KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Trần Ngọc Thành